

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HS-ST
Ngày 20 tháng 11 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Nam;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư.

2. Ông Trần Thế Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2018/TLST - HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST – HS ngày 08 tháng 11 năm 2018, đối với hai bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Mùa Đ**, tên gọi khác: không; sinh năm 1981.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 48, phường H, TP. T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh T2, sinh năm 1946 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; Có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1985, có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: năm 2004, Công an phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 01/6/2018, Đ và T1 trộm cắp tài sản, ngày 19/6/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Nguyên khởi tố bắt tạm giam hiện đang giải quyết.

Bị cáo không bị giam, giữ trong vụ án này, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T1**, tên gọi khác: không; sinh năm 1973.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 16, phường H1, TP. T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân B, sinh năm 1947 và bà: Cao Thị T3, sinh năm 1950 (đã chết); Có vợ là: Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1975 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: năm 2013, bị cáo bị TAND thành phố Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 29/01/2016, đương nhiên được xóa án tích. Ngày 01/6/2018, Đ và T1 trộm cắp tài sản, ngày 19/6/2018 bị Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Nguyên khởi tố bắt tạm giam hiện đang giải quyết.

Bị cáo không bị giam, giữ trong vụ án này, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh T (Có mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Anh Trần Sỹ H6, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 29 phường H1, TP. T, tỉnh T (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1963, địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh T (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 6 giờ ngày 14/6/2018, Nguyễn Mùa Đ điều khiển xe mô tô BKS: 20B1-195.27 đèo Nguyễn Xuân T1 đi theo Quốc lộ 3 xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày, khi đi đến quán bia của chị Nguyễn Thị Thu H5, Đ dừng xe và cả hai vào quán nhà chị H5 uống bia. Đ và T1 quan sát thấy chị H5 sạc 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S để trên chiếc Li-oa gắn trên tường phòng khách, nơi tiếp giáp với quầy bia. Lúc này chị H5 ra phía sau nhà. T1 và Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại, T1 hát hò và liếc mắt về phía chiếc điện thoại ám hiệu với Đ. Đ hiểu ý T1 là sẽ trộm cắp chiếc điện thoại nên gật đầu. Đ cảnh giới, T1 đứng dậy đi đến vị trí chiếc điện thoại, dùng tay phải cầm điện thoại, tay trái rút dây sạc ra khỏi điện thoại, cất giấu điện thoại vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi quay lại bàn uống bia gọi chủ quán ra thanh toán. Thấy T1 đã lấy được điện thoại, Đ

đi ra vị trí xe máy đợi T1, Nghe T1 gọi thanh toán, bà Nguyễn Thị T5 (là mẹ đẻ của chị Hoài) đi ra thu tiền bia của T1 20.000 đồng. Trả tiền bia xong T1 ra xe, Đ điều khiển xe mô tô đèo T1 đến cửa hàng điện thoại "Đức H6" bán chiếc điện thoại vừa trộm được cho chủ cửa hàng là Trần Sỹ H6 (SN 1988) ở Tổ 29, phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên được 1.000.000 đồng, T1 và Đ chia nhau mỗi người 500.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55 ngày 06/07/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Phú Lương kết luận: Trị giá còn lại của chiếc điện thoại di động do Đ, T1 trộm cắp là 4.830.000 đồng. Sau khi mua điện thoại, H6 đã bán lại một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Chiếc xe mô tô BKS: 20B1-195.27 Đ và T1 dùng làm phương tiện phạm tội thuộc sở hữu chung của Đ và chị Nguyễn Thị Hà (SN 1985, trú tại tổ 48, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, là vợ của Đ), xét thấy chị Hà không có lỗi trong việc Đ sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội, cơ quan điều tra không thu giữ. Về dân sự: Đ và gia đình đã bồi thường khắc phục hậu quả cho chị H5 1.500.000 đồng, chị H5 đã nhận đủ và không đề nghị gì thêm. Đối với T1, do biết T1 không có khả năng bồi thường nên chị H5 không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Mùa Đ và Nguyễn Xuân T1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Xác định không bị ép cung, nhục hình, khai báo trong tình trạng sức khỏe tốt, tỉnh táo. Được nhận bản cáo trạng, đã đọc kỹ và nghe công bố tại phiên tòa, không thắc mắc về nội dung bản cáo trạng. Được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và không nhờ người bào chữa.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hai bị cáo. Bản cáo trạng số 61/CT-VKSPL ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo Nguyễn Mùa Đ và Nguyễn Xuân T1 về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hai bị cáo Nguyễn Mùa Đ và Nguyễn Xuân T1 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mùa Đ mức án từ 09 đến 12 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 mức án từ 12 đến 15 tháng tù giam.

Buộc hai bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của hai bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

Bị hại: Không tranh luận, không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo nói lời sau cùng: Cả hai bị cáo đều xin HĐXX cho hưởng mức án nhẹ để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố hai bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của hai bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại và người làm chứng... Do vậy, đã đủ cơ sở để xác định: Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, khoảng 07 giờ ngày 14/6/2018, tại quán bia của chị Nguyễn Thị Thu H5 ở xóm Đồi Chè, xã Cổ Lũng, Phú Lương, Thái Nguyên, Nguyễn Mùa Đ và Nguyễn Xuân T1 đã trộm cắp của chị H5 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S trị giá 4.830.000 đồng, đem bán được 1.000.000 đồng, chia nhau mỗi người 500.000 đồng sử dụng hết.

Như vậy, hành vi của hai bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Nội dung của Điều 138 Bộ Luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây T1 lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Do đó cần

phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét các yếu tố về nhân thân của hai bị cáo thấy rằng: Hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đều đã có hành vi trộm cắp tài sản và bị xử phạt hành chính và xử lý bằng pháp luật hình sự, tuy nhiên các bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi của mình và gây thiệt hại không lớn nên hai bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Đ và gia đình đã bồi thường khắc phục hậu quả đối với bị hại nên bị cáo Đ được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ vì bị cáo Đ đã bồi thường cho bị hại, do vậy bị cáo Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Xét vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò ngang nhau, hai bị cáo đều cùng thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, có sự phân công nhưng không mang tính tổ chức.

[7] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần cần phải có mức án phạt tù nghiêm khắc đối với hai bị cáo mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với hai bị cáo vì hiện hai bị cáo đang bị tạm giữ không có tài sản và thu nhập.

[8] Vật chứng của vụ án: Không có.

[9] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền bồi thường của bị cáo Đ là 1.500.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm đối với hai bị cáo nên cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Đ đối với bị hại.

[10] Về án phí: Cần buộc hai bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Trong vụ án còn có Trần Sỹ H6 có hành vi mua chiếc điện thoại di động do Đ, T1 trộm cắp mà có nhưng H6 không biết chiếc điện thoại đó là do Đ và T1 phạm tội mà có nên CQĐT không xử lý là phù hợp.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt cũng như các vấn đề khác là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 đối với bị cáo Nguyễn Mùa Đ.
- Khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T1.
- Khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Luật phí, lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mùa Đ và Nguyễn Xuân T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mùa Đ 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T1 12 (mười hai) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Nguyễn Mùa Đ đối với bị hại số tiền là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS Phú Lương;
- Công an Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- THAHS- Công an tỉnh TN
- Bị cáo;
- Lưu Hs, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Hồng Nam

